

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY
(Từ ngày 07/7 đến ngày 13/7/2021)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Đầu tuần trời nhiều mây, có lúc có mưa rào và dông, cuối tuần nắng nóng. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 24,7 mm (thấp hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 29,8⁰C (thấp hơn CKNT), cao nhất 35⁰C, thấp nhất 25⁰C.

Âm độ trung bình 77 - 85% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 50 - 53 giờ (thấp hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ mùa 2021 là: 29.988,5 ha, trong đó:

- Lúa mùa: 23.637,3 ha (đẻ nhánh rộ).
- Ngô: 1.631,5 ha (phát triển thân lá - xoáy nõn).
- Đậu tương: 143,7 ha (cây con - phát triển thân lá).
- Lạc: 427,4 ha (cây con).
- Khoai lang: 160,1 ha (phát triển thân lá).
- Rau: 2.084,4 ha (các giai đoạn).
- Cây khác: 1.904,1 ha (các giai đoạn).

Thời tiết trong tuần trời nhiều mây, có lúc có mưa rào và dông. Cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sinh vật gây hại nhẹ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA

Trưởng thành vào bẫy đèn (con/đèn/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,3 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Phúc Yên); Sâu đục thân cú mèo 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Vĩnh Tường); Rầy nâu 0,9 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Bình Xuyên); Rầy lưng trắng 0,3 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Bình Xuyên); Rầy xanh đuôi đen 0,5 con (trương đương kỳ trước), nơi cao 2 con (Sông Lô, Bình Xuyên); Sâu cuốn lá nhỏ 0,8 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Phúc Yên, Tam Dương).

1. Trên cây lúa

- Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 1, nhộng, trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 1- 4 con/m², cao 6 - 9 con/m², cục bộ 25 con/m² (Tam Đảo, Tam Dương).
 - Sâu đục thân 2 chấm (tuổi 4, 5) gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 3% (Sông Lô, Tam Đảo, Phúc Yên).
 - Sâu đục thân cú mèo (tuổi 3, 4, 5) gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,2 - 0,5%, cao 1 - 3% (Tam Dương).
 - Rầy nâu (tuổi 5, trưởng thành) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 2 - 3 con/m², cao 8 - 11 con/m² (Sông Lô).
 - Bệnh vàng lá sinh lý gây hại cục bộ, tỷ lệ khóm hại phổ biến 0,2 - 0,3 %, nơi cao 3 - 5 %, cục bộ 15 - 20% (Tam Đảo).
 - Bệnh thối thân gây hại cục bộ, tỷ lệ đánh hại cục bộ 3 - 5% (Phúc Yên).
 - Chuột gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,5 - 0,8%, nơi cao 7 - 10% (Lập Thạch).
- Ngoài ra ốc brou vàng gây hại rải rác.

2. Cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại nhẹ, mật độ phổ biến 0,3 - 0,4 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Yên Lạc).
- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, bọ nhảy gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 1 - 2 con/m² (Phúc Yên).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ.
- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại nhẹ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kền nhỏ gây hại nhẹ.

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 14/7 - 20/7/2021

1. Cây lúa

Sâu đục thân 2 chấm lứa 3, sâu đục thân cú mèo tiếp tục gây hại rải rác; trưởng thành sâu cuốn lá nhỏ lứa 5 tiếp tục ra rộ. Dự báo, sâu non gây hại các trà lúa mùa từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 8, cần chú ý theo dõi để kịp thời phòng trừ. Chuột gây hại nhẹ - trung bình những diện tích lúa gần kênh, mương, ven đường đi và gần khu dân cư.

2. Cây rau, màu

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng phát sinh gây hại rải rác.
- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, sâu tơ tiếp tục gây hại nhẹ (Phúc Yên).

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu hại cục bộ (Yên Lạc).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bọ xít, bệnh sương mai, bệnh thán thư gây hại nhẹ
- Cây xoài: Bệnh thán thư hại nhẹ.

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố tăng cường phối hợp chặt chẽ với phòng Nông nghiệp & PTNT (Kinh tế), trạm Khuyến nông trên địa bàn chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn, HTX dịch vụ nông nghiệp, hướng dẫn nông dân thực hiện: áp dụng các biện pháp IPM, SRI, VietGAP ngay từ đầu vụ để cây trồng sinh trưởng, phát triển khỏe, chống chịu tốt với các điều kiện ngoại cảnh bất thuận và sinh vật gây hại.

- Đảm bảo nước tưới và chăm sóc tốt cây rau, màu. Khi có sinh vật gây hại vượt ngưỡng cần khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc để phun phòng chống, đảm bảo an toàn cho người sử dụng, ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Biện pháp quản lý

- Biện pháp thủ công: Ngắt đánh héo sâu đục thân, bắt ốc bươu vàng, bẫy bắt chuột nhằm hạn chế sự gây hại của chúng trên diện rộng.

- Biện pháp hóa học: Phun thuốc khi có mật độ, tỷ lệ hại đến ngưỡng phòng chống bằng thuốc đặc hiệu như:

+ Sâu đục thân, sâu cuốn lá dùng: Virtako 40WG, Patox 95SP, Nicata 95SP, Marshal 200SC,...

+ Sâu keo mùa thu trên ngô dùng thuốc: Bitadin WP, Angun 5WG, Emaben 3,6WG, Proclaim® 5WG, Lufen extra 100EC,...

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 07/7 - 13/7/2021), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: BVTV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Anh Tuấn

BẢNG THỐNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
(Từ ngày 07/7 đến ngày 13/7/2021)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại				Diện tích nhiễm (ha)					DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr			
Cây lúa	Đẻ nhánh rộ	Sâu cuốn lá nhỏ	Con/m ²	25			50	50				+35	50	Rải rác
		Bệnh nghệt rễ, vàng lá sinh lý	% KH	15			0,1	0,1				-0,4	1	Cục bộ
		Bệnh thối thân	%DH	5			0,1	0,1				+0,1	0,1	Cục bộ
		Chuột	%DH	6,3			55	55				+20	11.513	Rải rác
Cây ngô	PTTL - xoáy nõn	Sâu keo mùa thu	Con/m ²	2			0,5	0,5				-	1	Cục bộ
Tổng DT nhiễm SB							105,7	105,7					11.565,1	

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dảnh hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: `KS. Đặng Thị Lương.